

ITW Performance Polymers

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT REPAIR COMPOUND HARDENER

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất {Số CAS; số UN (nếu có); Số đăng ký EC (nếu có); Tên thương mại}

Tên sản phẩm REPAIR COMPOUND HARDENER

Mã sản phẩm Y00022

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng Chất làm cứng.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): Tên; địa chỉ; số điện thoại...

Nhà cung cấp ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
customerservice.shannon@itwpp.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm. (Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Nguy hại vật chất Không phân loại.

Nguy cơ về sức khỏe Độc cấp tính loại 4 - H302 Độc cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1A - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Tác nhân nhạy da loại 1 - H317

Nguy cơ về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

Các yếu tố nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn bảo quản, sử dụng..)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ H302+H312 Có hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

REPAIR COMPOUND HARDENER

Biện pháp phòng ngừa	<p>P261 Tránh hít hơi/ bụi nước.</p> <p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước.</p> <p>P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.</p> <p>P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp.</p>
-----------------------------	---

Bao gồm TETRAETHYLENEPENTAMINE

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ...)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất

Hỗn hợp chất

TETRAETHYLENEPENTAMINE	1-5%
Số CAS: 112-57-2	
Phân loại	
Độc cấp tính loại 4 - H302	
Độc cấp tính loại 4 - H312	
Ăn mòn da loại 1B - H314	
Tổn thương mắt loại 1 - H318	
Tác nhân nhạy da loại 1 - H317	
Mẩn tính thủy sinh loại 2 - H411	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm

Thông tin chung	Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).
Đường thở	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Nuốt phải	Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
Tiếp xúc với da	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

REPAIR COMPOUND HARDENER

Các phương tiện chữa cháy thích hợp Dập lửa với các phương tiện sau: Cacbon dioxit (CO₂). Hóa chất, cát, dolomit khô, vv. Nước.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Những nguy hại cụ thể Tránh hít khí hoặc hơi cháy.

Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Những hành động bảo vệ khi chữa cháy Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Phòng ngừa đối với cá nhân Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

Các cảnh báo về môi trường

Phòng ngừa về môi trường Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Các biện pháp vệ sinh Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham chiếu đến các phần khác

Tham chiếu đến các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa khi sử dụng Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít phải hơi. Sử dụng và mở thùng chứa một cách cẩn thận. Do not eat, drink or smoke when using the product. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Không được thải vào cống, ống nước. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Phòng ngừa khi lưu trữ Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt.

Mục đích sử dụng cuối cùng

Mục đích sử dụng cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Chú thích về thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

Kiểm soát phơi nhiễm

REPAIR COMPOUND HARDENER

Thiết bị bảo hộ



Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe.

Bảo hộ tay Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Biện pháp vệ sinh cá nhân Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Rửa ngay lập tức nếu da vừa bị nhiễm hóa chất. Do not eat, drink or smoke when using the product.

Bảo vệ đường hô hấp Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Bề ngoài	Bột nhão.
Màu sắc	Nâu nhạt.
Mùi đặc trưng	Mùi nhẹ. Mùi amoniac.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): alkaline @ 20 °C
Điểm nóng chảy	N/D°C
Điểm sôi ban đầu và khoảng sôi	>232°C @
Điểm cháy	>93°C TCC (Cốc kính Tag).
Tỷ lệ hóa hơi	<<1 (BuAc=1)
Áp suất hóa hơi	<0.01mmHg @ °C
Tỷ trọng hơi	>1
Tỷ trọng tương đối	1.55 @ 20 °C°C
Độ hòa tan trong nước	N/D
Thông tin khác	
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng	Chất oxy hóa mạnh.
Tính ổn định	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Không có.

REPAIR COMPOUND HARDENER

Các điều kiện cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Chất oxy hóa mạnh. Mùi hydrocacbon clo.
Các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO ₂). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc cấp tính - qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 500,0

Độc cấp tính - qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 1.100,0

Đường thở	Gây kích ứng hệ hô hấp.
Tiêu hóa	Gây kích ứng. Những triệu chứng sau khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm những điều sau: Buồn nôn, nôn mửa. Đau dạ dày.
Tiếp xúc với da	Có thể được hấp thụ qua da. Gây kích ứng da. Phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại có thể gây kích ứng trầm trọng. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
Tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng mắt trầm trọng. Một lần phơi nhiễm đơn có thể gây ra các tác hại sau: Hủy hoại giác mạc.

Thông tin về độc tính của các thành phần

TETRAETHYLENEPENTAMINE

Độc cấp tính - qua đường miệng

Độ độc cấp tính qua đường miệng (LD₅₀ mg/kg) 3.990,0

Các loài Chuột cống

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 500,0

QUARTZ

Tác nhân gây ung thư

Tác nhân gây ung thư theo IARC Nhóm 1 Gây ung thư cho con người.
IARC

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh	Avoid release to the environment. Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.
Độc tính	Không được cho là gây độc cho cá.
<u>Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy</u>	

REPAIR COMPOUND HARDENER

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Độ linh động trong đất

Độ linh động Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

Các tác hại khác

Các tác hại khác Không có.

PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Nhóm chất thải 08 04 99

PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển

Chung Các quy định quốc tế về việc vận chuyển hàng nguy hiểm không bao gồm sản phẩm này (IMDG, IATA, đường bộ/đường sắt).

SỐ UN

Không áp dụng.

Tên phương tiện vận chuyển đường biển

Không áp dụng.

Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển

Không có dấu hiệu cảnh báo vận chuyển nào được yêu cầu.

Quy cách đóng gói (nếu có)

Không áp dụng.

Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương)

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển.

Không áp dụng.

Vận chuyển trong tàu lớn Không áp dụng.

PHẦN 15: Thông tin về pháp luật

PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Ngày sửa đổi 22/03/2021

Sửa đổi 13

REPAIR COMPOUND HARDENER

Ngày thay thế 12/12/2018

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H302 Có hại nếu nuốt phải.
H312 Có hại khi tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hồng mắt.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.